BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 10 /QĐ-BTTTT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chỉ số theo dõi thi hành pháp luật tại Bộ Thông tin và Truyền thông

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chỉ số theo dõi thi hành pháp luật (sau đây viết tắt là Chỉ số TDTHPL) tại Bộ Thông tin và Truyền thông theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Kết cấu của Chỉ số TDTHPL và thang điểm đánh giá

1. Các hoạt động, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số TDTHPL của các đơn vị thuộc Bộ được xác định trên 06 hoạt động, 15 tiêu chí và 43 tiêu chí thành phần, gồm:

a) Việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản QPPL, gồm: 03 tiêu chí và 09 tiêu chí thành phần;

b) Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, gồm: 02 tiêu chí và 06 tiêu chí thành phần;

c) Công tác xây dựng bộ máy và các điều kiện bảo đảm tổ chức thi hành pháp luật: gồm 02 tiêu chí và 05 tiêu chí thành phần;

d) Công tác xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện thi hành pháp luật, gồm: 02 tiêu chí và 06 tiêu chí thành phần;

đ) Mức độ tuân thủ pháp luật trong công tác thực thi công vụ, gồm: 03 tiêu chí và 09 tiêu chí thành phần;

e) Mức độ tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân, gồm: 03 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần.

2. Các hoạt động, tiêu chí, tiêu chí thành phần và thang điểm cụ thể được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Phương pháp đánh giá

1. Tự đánh giá của đơn vị: Các đơn vị tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ TDTHPL của đơn vị theo các hoạt động, tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Phụ lục Chỉ số TDTHPL.

Việc đánh giá thông qua điều tra, khảo sát thực tế: Số điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua lấy phiếu điều tra được quy định trong Phụ lục.

2. Chỉ số TDTHPL của các đơn vị được xác định bằng tỷ lệ % giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa của các hoạt động, tiêu chí, tiêu chí thành phần đơn vị phải thực hiện đánh giá theo quy định tại Phụ lục.

3. Kết quả đánh giá hiệu quả thi hành pháp luật của các đơn vị thuộc Bộ được xếp thành 4 loại như sau:

a) Loại tốt: với chỉ số TDTHPL đạt từ 80% trở lên;

b) Loại khá: với chỉ số TDTHPL đạt từ 70% đến dưới 80%;

c) Loại trung bình: với chỉ số TDTHPL đạt từ 50% đến dưới 70%;

d) Loại yếu kém: với chỉ số TDTHPL đạt dưới 50%.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Pháp chế

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai áp dụng Chỉ số TDTHPL.

b) Định kỳ hàng năm xây dựng kế hoạch triển khai xác định Chỉ số TDTHPL; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện sau khi kế hoạch được phê duyệt.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát nội dung Chỉ số TDTHPL để trình Bộ trưởng xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của Bộ.

2. Các đơn vị thuộc Bộ:

a) Triển khai đánh giá, chấm điểm kết quả TDTHPL theo kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt.

b) Gửi kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số TDTHPL của đơn vị về Vụ Pháp chế để tổng hợp.

c) Tổ chức triển khai lấy Phiếu điều tra để xác định chỉ số TDTHPL của đơn vị đối với tiêu chí 2.2 và tiêu chí 5.3.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Cổng TTĐT Bộ;
- Lưu: VT, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Phan Tâm

PHỤ LỤC

CHỈ SỐ THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /QĐ-BTTTT ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Nội dung đánh giá/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số (Điểm đạt được/điểm tối đa x 100%)	Đơn vị thực hiện	Ghi chú (tài liệu kiểm chứng/giải trình)
			Điều tra, khảo sát thực tế	Đơn vị tự đánh giá	Điểm đạt được			
1	**VIỆC BAN HÀNH VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**[1]	**30**					- Vụ Bưu chính - Vụ KHCN - Vụ KHTC - Vụ TCCB - Vụ KTS&XHS - Thanh tra Bộ - Cục Viễn thông - Cục PTTH&TTĐT - Cục TSVTĐ - Cục Báo chí - Cục XBIPH - Cục CĐSQG	
1.1	Tỷ lệ số văn bản đã QPPL được ban hành/số văn bản QPPL cần được ban hành (căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết của Quốc hội, Chương trình công tác của Chính phủ, Chương trình xây dựng văn bản QPPL của Bộ)	10						
	100% văn bản QPPL được Bộ trưởng ký ban hành hoặc đã trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành	*10*						

[1] Căn cứ vào Chương trình xây dựng văn bản QPPL và thực tế ban hành văn bản QPPL. Các đơn vị phải đánh giá tiêu chí phụ thuộc vào Chương trình xây dựng văn bản QPPL hàng năm của Quốc hội, Chính phủ và của Bộ Thông tin và Truyền thông.

	80% - dưới 100% văn bản QPPL được Bộ trưởng ký ban hành hoặc đã trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành	*5*					- Cục ATTT - Cục ICT - Cục TTCS - Cục TTĐN - Cục BĐTƯ - VNNIC - NEAC	
	Dưới 80% văn bản QPPL được Bộ trưởng ký ban hành hoặc đã trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành	*0*						
1.2	Tình hình văn bản QPPL được ban hành đúng hạn	10						
	Các văn bản QPPL ban hành đúng theo kế hoạch hoặc ban hành và có hiệu lực cùng thời điểm với văn bản được quy định chi tiết	*10*						
	Các văn bản QPPL ban hành chậm 03 tháng theo kế hoạch hoặc ban hành và có hiệu lực sau 03 tháng so với văn bản được quy định chi tiết	*5*						
	Các văn bản không ban hành đúng trong năm kế hoạch hoặc chậm so với văn bản được quy định chi tiết từ 03 tháng trở lên	*0*						
1.3	Tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật sau khi ban hành	10						
	Không phát hiện văn bản trái pháp luật hoặc sai sót	*10*						
	Có văn bản có sai sót về căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày	*5*						
	Có văn bản trái pháp luật gồm văn bản ban hành không đúng thẩm quyền; văn bản có nội dung trái với Hiến pháp, trái với văn bản quy phạm pháp luật có	*0*						

	hiệu lực pháp lý cao hơn; văn bản quy định thời điểm có hiệu lực trái với quy định tại khoản 1 Điều 151 của Luật BHVBQPPL; văn bản vi phạm quy định của pháp luật về đánh giá tác động của chính sách, lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra dự thảo; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành trong trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn theo trình tự, thủ tục rút gọn nhưng không thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 147 của Luật BHVBQPPL.							
2	**CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**	**20**					- Vụ Bưu chính - Vụ KHCN - Vụ KHTC - Vụ TCCB - Vụ KTS&XHS - Thanh tra Bộ - Cục Viễn thông - Cục PTTH&TTĐT - Cục TSVTĐ - Cục Báo chí - Cục XBIPH - Cục CĐSQG - Cục ATTT - Cục ICT - Cục TTCS	
2.1	Tỷ lệ số lượng văn bản QPPL thực tế được phổ biến, giáo dục/số lượng văn bản QPPL cần phải phổ biến, giáo dục được ban hành theo kế hoạch phổ biến, giáo dục hằng năm của Bộ và đơn vị	10						
	100% số lượng văn bản QPPL đã được phổ biến, giáo dục theo kế hoạch	*10*						
	Từ 80% đến dưới 100% số lượng văn bản QPPL đã được phổ biến, giáo dục theo kế hoạch	*5*						
	Dưới 80% số lượng văn bản QPPL đã được phổ biến, giáo dục theo kế hoạch	*0*						
2.2	Chất lượng của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật[2]	10						

[2] Chỉ thực hiện phát Phiếu khảo sát khảo sát tại các Hội nghị phổ biến trực tiếp. Số Phiếu khảo sát dựa trên số đại biểu tham dự trên thực tế.

	Từ 80% trở lên đánh giá "TỐT" đối với chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	*10*					- Cục TTĐN - Cục BĐTƯ - VNNIC - NEAC	
	Từ 50% - 80% đánh giá "TỐT" đối với chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	*5*						
	Dưới 50% đánh giá "TỐT" đối với chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	*0*						
3	**CÔNG TÁC XÂY DỰNG BỘ MÁY VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM TỔ CHỨC THI HÀNH PHÁP LUẬT**	**10**					- Vụ Pháp chế - Vụ Bưu chính - Vụ KHCN - Vụ KHTC - Vụ TCCB - Thanh tra Bộ - Cục Viễn thông - Cục PTTH&TTĐT - Cục TSVTĐ - Cục Báo chí - Cục XBIPH - Cục CĐSQG - Cục ATTT - Cục ICT - Cục TTCS - Cục TTĐN - Cục BĐTƯ	
3.1	Tỷ lệ số công chức, viên chức thực hiện công tác thi hành pháp luật trên thực tế/tổng số biên chế được giao thực hiện công tác thi hành pháp luật *(bao gồm công chức, viên chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, cấp phép, tiếp công dân, ...)*	5						
	Đã bố trí đủ 100% công chức, viên chức thực hiện công tác thi hành pháp luật theo biên chế được giao	*5*						
	Bố trí từ 80% đến dưới 100% công chức, viên chức thực hiện công tác thi hành pháp luật theo biên chế được giao	*3*						
	Bố trí dưới 80% công chức, viên chức thực hiện công tác thi hành pháp luật theo biên chế được giao	*0*						
3.2	Việc bố trí nhân sự thực hiện nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật	5						

	Đã phân công nhân sự thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật	*5*						
	Chưa phân công nhân sự thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật	*0*						
4	**CÔNG TÁC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THI HÀNH PHÁP LUẬT (Bao gồm kế hoạch kiểm tra, thanh tra, theo dõi THPL)**	**20**						
4.1	Việc xây dựng và ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện thi hành pháp luật *(Quyết định ban hành kế hoạch thanh tra: 25/11 hàng năm; Quyết định ban hành kế hoạch kiểm tra: 25/11 hàng năm; Quyết định ban hành kế hoạch TDTHPL: tháng 1 hàng năm)*	10					- Vụ Pháp chế - Thanh tra Bộ	
	Đã ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện thi hành pháp luật đúng hạn	*10*						
	Đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện thi hành pháp luật không đúng hạn	*5*						
	Không ban hành kế hoạch triển khai thực hiện thi hành pháp luật	*0*						
4.2	Tỷ lệ triển khai thực hiện kế hoạch đã được ban hành (bao gồm cả kế hoạch bổ sung)	10					- Vụ Pháp chế - Thanh tra Bộ - Cục Viễn thông - Cục PTTH - Cục TSVTĐ - Cục Báo chí - Cục XBIPH	
	Hoàn thành 100% kế hoạch (tất cả các kế hoạch đều hoàn thành 100%)	*10*						
	Hoàn thành trên 70% kế hoạch (tất cả các kế hoạch đều hoàn thành ở mức trên 70% kế hoạch)	*5*						

	Bất kỳ 01 kế hoạch hoàn thành dưới 70%	*0*						
5	**MỨC ĐỘ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT TRONG CÔNG TÁC THỰC THI CÔNG VỤ (bao gồm giải quyết TTHC, ban hành Kết luận thanh tra, ban hành Kết luận kiểm tra, ban hành quyết định xử phạt VPHC)**	**20**					- Thanh tra Bộ - Cục Viễn thông - Cục PTTH&TTĐT - Cục TSVTĐ - Cục Báo chí - Cục XBIPH	
5.1	Tỷ lệ số lượng hồ sơ TTHC, Kết luận thanh tra, quyết định xử phạt VPHC được giải quyết đúng hạn/tổng số lượng hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC, số lượng vụ việc thanh tra, kiểm tra phải thực hiện, số lượng vụ việc vi phạm hành chính	10						
	100% số lượng hồ sơ TTHC, Kết luận thanh tra, Kết luận kiểm tra, quyết định xử phạt VPHC được giải quyết, ban hành đúng quy định	*10*						
	Từ 80% đến dưới 100% số lượng hồ sơ TTHC, Kết luận thanh tra, Kết luận kiểm tra, quyết định xử phạt VPHC được giải quyết, ban hành đúng quy định	*5*						
	Dưới 80% số lượng hồ sơ TTHC, Kết luận thanh tra, Kết luận kiểm tra, quyết định xử phạt VPHC được giải quyết, ban hành đúng quy định	*0*						
5.2	Tỷ lệ các vụ khiếu nại về quyết định hành chính, hành vi hành chính của tổ chức, cá nhân trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền	5						
	Không có vụ khiếu nại hoặc 100% vụ khiếu nại đều được giải quyết và xác định không có sai sót trong áp	*5*						

	dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền							
	Có từ dưới 05 vụ việc có căn cứ xác định phải điều chỉnh quyết định áp dụng pháp luật	*2*						
	Trên 05 vụ việc có căn cứ xác định phải điều chỉnh quyết định áp dụng pháp luật	*0*						
5.3	Đánh giá của người dân về mức độ hài lòng trong công tác thực thi công vụ[3]	*5*						
	Trên 90% người dân đánh giá "HÀI LÒNG" trong công tác giải quyết TTHC và không có đơn thư phản ánh về các vụ việc thanh tra, kiểm tra đã triển khai thực hiện	*5*						
	Từ 70% - dưới 90% người dân đánh giá "HÀI LÒNG" trong công tác giải quyết TTHC và có dưới 03 đơn thư phản ánh về các vụ việc thanh tra, kiểm tra đã triển khai thực hiện	*3*						
	Dưới 70% người dân đánh giá "HÀI LÒNG" trong công tác giải quyết TTHC và có từ 03 đơn thư trở lên phản ánh về các vụ việc thanh tra, kiểm tra đã triển khai thực hiện	*0*						

[3] Việc đánh giá mức độ hài lòng của người dân trong công tác thực thi công vụ được đánh giá như sau: đối với công tác giải quyết TTHC, chỉ đánh giá các trường hợp giải quyết TTHC trực tiếp. Phiếu điều tra khảo sát được thực hiện khi người dân nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận một cửa. Đơn vị thống kê số vụ việc khiếu nại đối với các Quyết định áp dụng pháp luật trên tổng số vụ việc xử lý trên thực tế.

6	**MỨC ĐỘ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN[4]**						- Thanh tra Bộ - Cục Viễn thông - Cục PTTH&TTĐT - Cục TSVTĐ - Cục Báo chí - Cục XBIPH	
6.1	Mức độ tuân thủ của tổ chức, cá nhân đối với các TTHC, chấp hành các quyết định xử phạt theo đúng quy định của pháp luật							
	100% các đối tượng thanh tra, kiểm tra chấp hành nghiêm các TTHC (đầy đủ các giấy phép theo quy định của pháp luật trước khi hoạt động), chấp hành đầy đủ các quyết định xử phạt, quyết định thanh tra (phối hợp cung cấp thông tin trong quá trình thanh tra, kiểm tra)							
	Từ 80% đến dưới 100% các đối tượng thanh tra, kiểm tra chấp hành nghiêm các TTHC (đầy đủ các giấy phép theo quy định của pháp luật trước khi hoạt động), chấp hành đầy đủ các quyết định xử phạt, quyết định thanh tra (phối hợp cung cấp thông tin trong quá trình thanh tra, kiểm tra)							
	Dưới 80% các đối tượng thanh tra, kiểm tra chấp hành nghiêm các TTHC (đầy đủ các giấy phép theo quy định của pháp luật trước khi hoạt động), chấp hành đầy đủ các quyết định xử phạt, quyết định thanh tra (phối hợp cung cấp thông tin trong quá trình thanh tra, kiểm tra)							
6.2	Tỷ lệ số lượng các vụ việc vi phạm hành chính/tổng số các đối tượng được thanh tra, kiểm tra, xem xét xử lý qua các nguồn khác (báo chí, khiếu nại, tố cáo, phản ánh của người dân...)							

[4] Tiêu chí đánh mức độ tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân: đây là sở cứ để đánh giá thực trạng thi hành pháp luật nhằm kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Tiêu chí này không dùng để đánh giá chỉ số TDTHPL các đơn vị thuộc bộ.

	20% số lượng các tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra bị xử lý vi phạm hành chính							
	Từ 20% đến 50% số lượng các tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra bị xử lý vi phạm hành chính							
	Trên 50% số lượng các tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra bị xử lý vi phạm hành chính							
6.3	Tỷ lệ số lượng các vụ việc đề nghị xử lý hình sự/tổng số các vụ việc thanh tra, kiểm tra							
	Không có vụ việc cần đề nghị xử lý hình sự							
	Có từ 01 vụ việc trở lên cần đề nghị xử lý hình sự							